**Mẫu số 42. Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản**

**và kế hoạch tiếp tục thăm dò**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016*

*của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*)

|  |  |
| --- | --- |
| **(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC** **PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)**Số ......../........ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Địa danh....., ngày.... tháng.... năm .... |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ**

(Trong trường hợp gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản)

 Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kinh doanh số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ...... cấp lần đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày.... tháng... năm.... của …)

Được Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …) cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số …/GP-….. ngày … tháng … năm … cho phép thăm dò khoáng sản … tại khu vực … xã …, huyện, tỉnh/thành phố … ; được gia hạn tại Giấy phép (gian hạn) số …/GP-….. ngày … tháng … năm …, thời hạn gia hạn … tháng/năm;

(Tên tổ chức, cá nhân)…… báo cáo kết quả công tác thăm dò khoáng sản kể từ ngày … tháng … năm …. đến ngày … tháng … năm … và thông báo kế hoạch tiếp tục thăm dò khoáng sản trong thời gian giấy phép được gia hạn như sau:

**I.** **KẾT QỦA THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Theo nội dung báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo thăm dò nước khoáng tại theo mẫu số 41, mẫu số 42 tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016)

**II. THỜI GIAN, KHỐI LƯỢNG, KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ**

1. Thời gian tiếp tục thăm dò: ..... tháng/năm, từ ngày.... tháng......năm.... đến ngày...... tháng.....năm…

2. Khối lượng tiếp tục thăm dò (1):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục công việc** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Ghi chú; tăng giảm, lý do** |
| **Theo đề án** | **Đã thực hiện** | **Còn lại tiếp tục thăm dò** |
| **I** | **Công tác trắc địa** |  |  |  |  |  |
| 1 | Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ … | Km2 (ha) |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |
| **II** | **Công tác địa chất** |  |  |  |  |  |
| 1 | Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ… | Km2 (ha) |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |
| 2 | Khoan thăm dò | m |  |  |  |  |
| 2.1 | … |  |  |  |  |  |
| 3 | … |  |  |  |  |  |
| **III** | **Công tác địa vật lý**  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đo … |  |  |  |  |  |
| 2 | Đo… |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Công tác ĐCTV-ĐCCT** |  |  |  |  |  |
| 1 | Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ … | Km2 (ha) |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |
| **V** | **Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu** |  |  |  |  |  |
| 1 | Lấy mẫu | Mẫu |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |
| 2 | Gia công mẫu | Mẫu |  |  |  |  |
| 2.2 | … |  |  |  |  |  |
| 3 | Phân tích mẫu | Mẫu |  |  |  |  |
| 3.3 | … |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Lập báo cáo tổng kết** |  |  |  |  |  |
| 1 | … |  |  |  |  |  |
| **VII** | **Các công tác khác** |  |  |  |  |  |
| 1 | Lấp hào |  |  |  |  |  |
| 2 | … |  |  |  |  |  |

(Tên tổ chức, cá nhân)................... cam đoan thực hiện đúng thời hạn gia hạn và khối lượng công tác thăm dò theo quy định.

  **Tổ chức, cá nhân**

 **(**Ký tên, đóng dấu)

 Ghi chú: (1) Theo danh mục, khối lượng còn lại theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố … thẩm định và thông qua kèm theo Giấy phép thăm dò.